



CẢNG CAM RANH

CAM RANH PORT



SERVING CUSTOMERS
IS OUR GREAT HONOR

GENERAL INFORMATION:

- ◆ Port's name: **CAM RANH PORT Co.Ltd**
- ◆ Abbreviated name: **CAM RANH PORT**
- ◆ Address: 29 Nguyen Trong Ky street, Cam Linh ward, Cam Ranh city, Khanh Hoa province, Vietnam.
- ◆ Tel: 0258.3854307 - 0258. 3854565
- ◆ Fax: 0258.3854536
- ◆ Email: mail@camranhport.vn
- ◆ Website: <http://www.camranhport.vn>
- ◆ Statement of compliance of a port facility number: ISPS/SoCPF/024/VN, issued: 10 th July 2009.
- ◆ Indwelling maritime management area of Maritime Administration of Nha Trang.
- ◆ Port's position: 11°54'N - 109°09'E.
- ◆ Pilot boarding position: 11°48.5'N - 109°12.5'E.
- ◆ Tidal regime: Semi-diurnal (Average tidal range: 1.5 meters).
- ◆ Working time: 24 hours/day, 7 days/week.
- ◆ Loading and discharging rates at berth:
 - Bulk cargoes:
 - + Stone/Sand: Loading truck - hold by using cranes: 3,000 - 4,000 MT/gang/day.
 - + Clinker, Gypsum, coal, salt...: Loading truck - hold or discharging hold - truck by using crabs: 2,000 - 2,500 MT/day.
 - + Woodchip: Loading truck - hold by using Conveyor & Canes: 4,000 - 4,500 BDMT/day/ship.
 - Bagged cargoes: 200 - 250 metric tons/gang-shift (750 - 1,500 MT/day).
 - Iron and steel cargoes: 1,500 - 2,000 MT/day.

GIỚI THIỆU:

- ◆ Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**
- ◆ Tên viết tắt: **CẢNG CAM RANH**
- ◆ Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.
- ◆ Điện thoại: 0258. 3854307 - 0258. 3854565
- ◆ Fax: 0258.3854536
- ◆ Email: mail@camranhport.vn
- ◆ Website: <http://www.camranhport.vn>
- ◆ Giấy chứng nhận phù hợp cảng biển ISPS/SoCPF/024/VN, cấp ngày: 10/7/2009.
- ◆ Trong vùng quản lý hàng hải của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang.
- ◆ Vị trí Cảng (kinh độ, vĩ độ): 11°54'N - 109°09'E.
- ◆ Điểm đón hoa tiêu: 11°48.5'N - 109°12.5'E.
- ◆ Chế độ thủy triều: Bán nhật triều (chênh lệch bình quân 1.5m).
- ◆ Thời gian Cảng hoạt động: 24/24h, 7 ngày/tuần.
- ◆ Năng suất xếp dỡ hàng hóa:
 - Hàng rời:
 - + Hàng Đá/cát: Tác nghiệp ô tô - hầm tàu sử dụng ben 3.000 - 5.000 tấn/máng/ngày.
 - + Hàng Clinker, thạch cao, than đá, muối...: Tác nghiệp ô tô - hầm tàu hoặc hầm tàu - ô tô sử dụng ngoại: 2.000 - 2.500 tấn/ngày.
 - + Hàng dăm gỗ: Tác nghiệp ô tô - hầm tàu, sử dụng Băng tải và Cầu: 4.000 - 4.500 BDMT/ngày/tàu.
 - Hàng bao: sử dụng vồng: 200 - 250 tấn/máng-ca (750 - 1.500 tấn/ngày).
 - Hàng sắt thép: 1.500 - 2.000 tấn/ngày.



**SERVING CUSTOMERS
IS YOUR GREAT HONOR**



INFRASTRUCTURE AND FACILITIES

◆ Beth:

Beth No.1:

Main side of berth:

- + Length: 182m.
- + Depth in front of berth: -11.6m.
- + Size of vessel accepted: 30,000 DWT.

Auxiliary side of berth:

- + Length: 126.5 m.
- + Depth in front of berth: -6m.
- + Size of vessel accepted: 5,000 DWT.

Beth No.2:

Main side of berth:

- + Length: 180m.
- + Depth in front of berth: -13.3m.
- + Size of vessel accepted: 50,000 DWT.

Auxiliary side of berth:

- + Length: 220 m.
- + Depth in front of berth: -5.5 m.
- + Size of vessel accepted: 3,000 DWT.

Remark: Main side of berth No. 1 and main side of berth No.2 are lined up next to each other with a total length 362m.

◆ Access channel and anchorage area:

- Length of channel: 8.6 nm.
- Depth of channel: -10.2 m.
- Average tidal amplitude: 1.5m.
- Anchorage area:

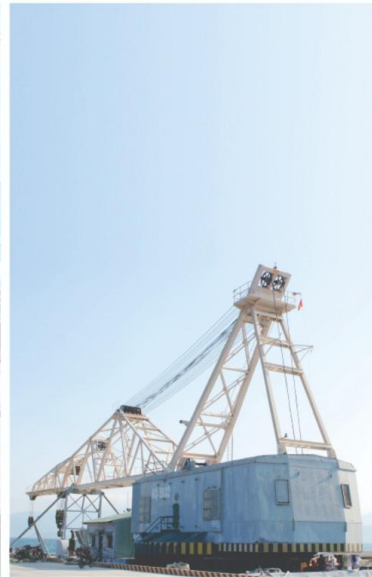
- + Anchorage area No1: the water area within the radius of 0.7 nautical mile with its central position: 11°52'00N - 109°09'30E.
- + Anchorage area No2: the water area within the radius of 0.3 nautical mile with its central position: 11°53'30N - 109°08'10E.
- Depth of anchorage area: -11m - -20m.

◆ Storage:

- Total area of warehouses: 15,500 m²
- Total area of freight yards: 110,000 m²
- Total area of storage capacity: 350,000 MT.

◆ Main facilities:

- 02 Tug boats: 960 HP & 1,500 HP.
- 02 electronic weigh bridge: 80 MT & 120 MT.
- 12 shore cranes: 10 - 60 MT.
- 05 grabs: 1.4 - 8.0 m³.
- 60 trucks, trimmers, pay loaders, forklifts and excavators.



CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ THIẾT BỊ

◆ Cầu bến:

Bến số 1:

- CẦU CHÍNH:

- + Chiều dài: 182 m.
- + Độ sâu trước bến: -11,6 m.
- + Cỡ tàu tiếp nhận: 30.000 DWT.

- CẦU PHỤ:

- + Chiều dài: 126,5 m.
- + Độ sâu trước bến: -6 m.
- + Cỡ tàu tiếp nhận: 5.000 DWT.

Bến số 2:

- CẦU CHÍNH:

- + Chiều dài: 180 m.
- + Độ sâu trước bến: -13,3 m.
- + Cỡ tàu tiếp nhận: 50.000 DWT.

- CẦU PHỤ:

- + Chiều dài: 220 m.
- + Độ sâu trước bến: -5,5 m.
- + Cỡ tàu tiếp nhận: 3.000 DWT.

Ghi chú: Cầu chính bến số 01 và cầu chính bến số 02 nằm liền kề nhau và có tổng chiều dài: 362 m.

◆ Luồng vào cảng và vùng neo đậu:

- Chiều dài luồng: 8,6 hải lý.
- Độ sâu luồng: -10,2m
- Biên độ triều trung bình: 1,5m.
- Vùng neo đậu:

- + Vùng neo 1: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,7 hải lý với tâm tại tọa độ: 11°52'N - 109°09'30E.
- + Vùng neo 2: là vùng nước được giới hạn bởi đường tròn có bán kính 0,3 hải lý với tâm tại tọa độ: 11°53,30N - 109°08'10E.
- Độ sâu vùng nước neo đậu: -11m đến -20m.

◆ Kho bãi:

- Tổng diện tích kho chứa hàng: 15.500m²
- Tổng diện tích chứa hàng: 110.000m²
- Sức chứa tổng cộng: 350.000 tấn.

◆ Thiết bị chính:

- 02 tàu lai: 960HP và 1.500HP.
- 02 trạm cân điện tử: 80 tấn và 120 tấn.
- 12 cầu bờ: từ 10 - 60 tấn.
- 05 gầu ngoạm: 1,4 - 8,0 m³
- 60 xe xúc, đào, gạt, xe nâng và xe tải, container các loại.

SERVING CUSTOMERS
IS OUR GREAT HONOR





Main Services:

- ◆ Cargo handling, tallying, forwarding.
- ◆ Operating warehouse, freight yard and cargo storing.
- ◆ Road transport.
- ◆ Ship towage and assistance.
- ◆ Shipping agency, ship broker and ship chandler.
- ◆ Other services according to customer's demand.

Các dịch vụ:

- ◆ Bốc xếp, kiểm đếm, ủy thác giao nhận hàng hóa.
- ◆ Kinh doanh kho/bãi.
- ◆ Vận chuyển hàng hóa đường bộ.
- ◆ Hỗ trợ, lai dắt tàu biển.
- ◆ Đại lý hàng hải, môi giới tàu biển, cung ứng tàu biển.
- ◆ Các dịch vụ khác theo yêu cầu của khách hàng.

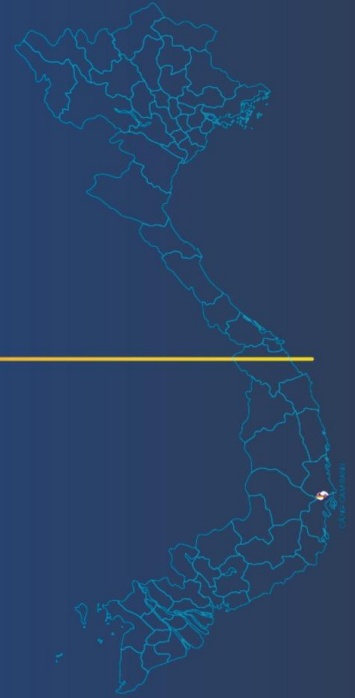


Development and investment plans:

- ◆ Stage Period of 2020:
 - 2nd bridge and western warehouse; 5ha east.
 - Completing investment in inland waterway.
 - Invest in Cam Ranh Marine Logistics Centre.
 - Developing various types of maritime services.
- ◆ Stage from 2020 to 2025:
 - To invest in 60m additional wharf 2.
 - Invest in 02 mobile cranes from 100 – 150 MT.
 - Investing in the improvement of the eastern beach system.
 - Project No.3: 50,000 DWT.
 - Investment in equipment and synchronous equipment.

Kế hoạch đầu tư phát triển:

- ◆ Giai đoạn đến năm 2020:
 - Cầu dẫn số 2 và kho/bãi phía Tây; 05 ha phía Đông.
 - Đầu tư hoàn thiện Bến thủy nội địa.
 - Đầu tư Trung tâm dịch vụ hàng hải – Logistics Cam Ranh.
 - Phát triển các loại hình dịch vụ hàng hải.
- ◆ Giai đoạn từ 2020 đến 2025:
 - Đầu tư thêm 60 m bến số 2.
 - Đầu tư 02 cầu di động từ 100 - 150 tấn.
 - Đầu tư hoàn thiện hệ thống bãi phía Đông.
 - Lập dự án bến số 3: 50.000 DWT.
 - Đầu tư phương tiện, thiết bị đồng bộ.





CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH

Địa chỉ: 29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, Tp. Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

Điện thoại: 0258. 3854307 - 0258. 3854565

Fax: 0258.3854536

Email: mail@camranhport.vn

Website: <http://www.camranhport.vn>

CAM RANH PORT Co. Ltd

Address: 29 Nguyen Trong Ky street, Cam Linh ward, Cam Ranh city, Khanh Hoa province, Vietnam.

Tel: +84.258.3854307 - 3854565

Fax: +84.258.3854536

Email: mail@camranhport.vn

Website: <http://www.camranhport.vn>